

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân
thôn Chiềng, xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH4 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung các Nghị định lĩnh vực quản lý nhà nước Bộ Xây dựng; số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 282/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về chủ trương đầu tư dự án Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Chiềng, xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân; Quyết định số 3991/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 7989/SXD-HĐXD ngày 14/10/2023 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Chiềng, xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân (kèm theo hồ sơ dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Chiềng, xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Chiềng, xã

Bát Mọt, huyện Thường Xuân.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân.

4. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và xây dựng Xuân Lâm.

5. Tổ chức tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng: Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hóa.

6. Địa điểm xây dựng: Thôn Chiềng, xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

7. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm C, công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

8. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án đã được Sở Xây dựng thẩm định tại Công văn số 7895/SXD-HĐXD ngày 10/11/2023.

9. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng mới khu tái định cư liền kề cho 08 hộ dân thôn Chiềng, xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân để đảm bảo an toàn, từng bước ổn định đời sống người dân, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai, biến đổi khí hậu; góp phần giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và củng cố quốc phòng - an ninh.

10. Quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế chủ yếu

Đầu tư khu tái định cư liền kề cho 08 hộ dân với diện tích khu đất lập quy hoạch là 3.742 m², gồm các hạng mục chính: san lấp mặt bằng; đấu nối đường điện, nước với khu dân cư sở tại. Cụ thể:

10.1. Giải pháp thiết kế san lấp mặt bằng

- Thiết kế san nền theo phương pháp mặt cắt ngang, hướng dốc chủ đạo của khu vực san lấp là về phía Đông Nam dự án và dốc về các rãnh thoát nước.

- Phạm vi san nền: Từ cọc P1 - cọc P5 san lấp tạo đường vào khu quy hoạch; từ cọc P5 - cọc 13 san lấp tạo mặt bằng bố trí 08 lô cho khu tái định cư.

- Vật liệu san nền bằng đất cấp 3 tận dụng từ nền đường đào, đầm nén đến độ chặt yêu cầu $K \geq 0,90$, san thành từng lớp, mỗi lớp dày 30 cm. Thiết kế rãnh hình thang bằng rãnh đất để thu gom nước mái ta luy quanh khu đất chia lô.

10.2. Giải pháp thiết kế hệ thống cấp nước

- Hiện trạng khu quy hoạch chưa có đường nước sạch vì vậy nguồn nước được dẫn từ suối nước tự nhiên (tại suối thôn Chiềng).

- Tuyến ống dẫn nước nằm dọc theo đường mòn men theo suối. Độ sâu chôn ống trung bình 0,5 m tính từ cốt mặt đường tự nhiên.

- Tuyến ống chính dẫn nước có đường kính D63 được thiết kế mạng cụt từ đập đầu nguồn dẫn về bể nước đặt tại khu tái định cư. Trên tuyến có bố trí hệ thống van xả cạn, van xả khí đảm bảo theo quy định.

- Đập thu nước đầu nguồn có kết cấu: Lót móng bằng bê tông đá 4x6 mác 150; phần thân đập sử dụng bê tông đá 1x2 mác 250; tấm đan sử dụng BTCT đá 1x2 mác 200.

- Hồ xả cạn, xả khí có kết cấu: Lót móng bằng bê tông đá 4x6 mác 100; phần móng sử dụng bê tông đá 1x2 mác 200; phần thân xây gạch VXM mác 75 dày 22 cm; trát tường trong bằng VXM mác 75 dày 1,5 cm; mũ mố bằng bê tông đá 1x2 mác 200; tấm đan nắp hồ bằng BTCT đá 1x2 mác 200.

- Bể nước có kích thước thông thủy (2,0x3,5x1,5) m (chiều cao 1,5 m) có kết cấu: Móng bể bằng kết cấu đá hộc xây VXM mác 75; thân bể BTCT đá 1x2 mác 200; trát 2 mặt 2 bên thành bể bằng VXM mác 100; đáy bể láng VXM mác 100 tạo dốc 2%. Sàn nắp bể sử dụng BTCT đá 1x2 mác 200.

10.3. Giải pháp thiết kế hệ thống điện

- Nguồn điện cấp cho khu tái định cư được lấy nguồn từ đường điện hạ thế hiện có tại cột 1.15 TBA thôn Chiềng, xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân.

- Tuyến cáp treo 0.4kV từ trạm biến áp hiện có dùng cáp nhôm vặn xoắn ABC - 4x70 mm², cáp được cố định trên đầu cột LT 8,5- 4,3 kN bằng khóa hãm. Cột điện chạy dọc theo trục đường giao thông nằm trên lề đường, khoảng cách cột từ (30÷35) m tùy theo vị trí. Cấp điện đến các tủ công tơ các nhà chia lô, tủ công tơ được đặt tại các cột bê tông ly tâm xây dựng mới.

- Nguồn điện cấp cho các tủ chiếu sáng được lấy từ nguồn hạ thế đi chung. Đèn chiếu sáng được sử dụng kết hợp trên cột điện hạ thế. Chiếu sáng bằng đèn cao áp bóng LED công suất 150 W. Các đèn chiếu sáng được bố trí với khoảng cách trung bình khoảng (30÷35) m dọc trên hè các tuyến đường.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công)

11. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 1.193.909.000 đồng; trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	969.326.643	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	20.751.818	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT	:	137.650.370	đồng;
- Chi phí khác	:	9.326.984	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	56.852.791	đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

12. Thời gian thực hiện: Năm 2023-2024.

13. Nguồn vốn: Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh; riêng kinh phí giải

phóng mặt bằng (nếu có) do ngân sách huyện Thường Xuân chi trả.

14. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện quản lý dự án.

15. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 7989/SXD-HĐXD ngày 14/11/2023.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Xây dựng, chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán,...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Giao UBND huyện Thường Xuân theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra Chủ đầu tư thực hiện dự án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- Lưu: VT, CN.(HĐXD_TM.2)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Dự án: Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Chiềng, xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
1	Chi phí xây dựng			Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	894.166.589	75.160.054	969.326.643
2	Chi phí quản lý dự án	2,901%	0,8	(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	20.751.818		20.751.818
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				126.633.026	11.017.795	137.650.370
3.1	Chi phí khảo sát địa hình			Theo QĐ số 17/QĐ-BQLDA ngày 16/02/2023 Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Xuân	39.560.000	3.956.000	43.516.000
3.2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	3%		nt	1.186.800	118.680	1.305.000
3.3	Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	5,8%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	51.861.662	4.148.933	56.010.595
3.4	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	0,197%		Mức tối thiểu	2.000.000	160.000	2.160.000
3.5	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	0,191%		nt	2.000.000	160.000	2.160.000
3.6	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	0,388%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	3.469.366	277.549	3.746.915
3.7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	2,566%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	22.944.315	1.835.545	24.779.860
3.8	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	4,072%		Theo QĐ số 17/QĐ-BQLDA ngày 16/02/2023 Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Xuân	1.610.883	161.088	1.772.000

3.9	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	0,05%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	1.000.000	100.000	1.100.000
3.10	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,05%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	1.000.000	100.000	1.100.000
4	Chi phí khác				9.219.684	107.300	9.326.984
4.1	Chi phí bảo hiểm công trình	0,15%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	1.341.250	107.300	1.448.550
4.2	Lệ phí thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật	0,019%	0,5	Mức tối thiểu	250.000		250.000
4.3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,57%		Tổng mức đầu tư sau loại trừ chi phí dự phòng x tỷ lệ	6.481.218		6.481.218
4.4	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	5%		Chi phí giám sát thi công xây dựng x tỷ lệ	1.147.216		1.147.216
5	Chi phí dự phòng				56.852.791		56.852.791
5.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	5%		(Gxd+Gtb+Gqlđ+Gtv+Gk) sau thuế x tỷ lệ	56.852.791		56.852.791
	Tổng cộng				1.107.623.908	86.285.149	1.193.908.606
	Làm tròn						1.193.909.000